

Bản án số: 04/2024/DS-ST

Ngày: 26-01-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Dưỡng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Văn Vũ Biên Cương;

Ông Đào Hồng Kiệt.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Bá Hồng Tân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Chi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2023 và ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Q1 (V1).**

Địa chỉ trụ sở: **Tầng A (tầng trệt) và Tầng B, Tòa nhà S - A P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông **Hàn Ngọc V**, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Trần Thu H**, chức vụ: Giám đốc Trung tâm Quản lý nợ **Ngân hàng B** – Khối Ngân hàng bán lẻ **V1**.

Người đại diện theo ủy quyền của bà **Trần Thu H**:

1/ Ông (Bà) **Bùi Đăng D** – Cán bộ **Ngân hàng TMCP Q1**.

2/ Ông (Bà) **Phan Văn C** – Cán bộ **Ngân hàng TMCP Q1**.

3/ Ông (Bà) **Nguyễn Đại A** – Cán bộ **Ngân hàng TMCP Q1**.

4/ Ông (Bà) **Vương Hải L** – Cán bộ **Ngân hàng TMCP Q1**.

Cùng địa chỉ liên lạc: **Tầng F, Tòa nhà P, số B U, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.**

- Bị đơn: **Đặng Quốc Q**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: **Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.**

(Ông **Nguyễn Đại A** có mặt tại phiên tòa, ông (bà) **Bùi Đăng D**, ông (bà) **Phan Văn C**, ông (bà) **Vương Hải L**, ông **Đặng Quốc Q** đều vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện của nguyên đơn trình bày: Ông **Đặng Quốc Q** có ký với **Ngân hàng TMCP Q1 (V1) – Chi nhánh G – Phòng G1** Hợp đồng tín dụng số: 4576663.21 ngày 08-6-2021 và **Đ** giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1362803.21 ngày 08-6-2021 để vay số tiền 900.000.000 đồng, mục đích vay là thanh toán mua 01 xe nhãn hiệu FORD, thời hạn vay là 96 tháng, lãi suất theo quy định tại hợp đồng tín dụng số: 4576663.21 ngày 08-6-2021, tài sản bảo đảm là nhãn hiệu: FORD, loại xe: Xe ≤ 9 chỗ, số loại: RAPTOR, số khung: MPBUMFE60MX338787, số máy: YN2QXM338787. Đồng thời ngày 10-6-2021, ông **Đặng Quốc Q** có Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế loại thẻ VIB Travel Elite với hạn mức 90.000.000 đồng, mục đích vay là tiêu dùng, lãi suất vay theo từng thời kỳ của **V1** và được VIB chấp nhận cấp thẻ theo đề nghị. Sau khi được cấp tín dụng, ông **Q** vi phạm nghĩa vụ thanh toán và qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông **Q** vẫn không có thiện chí trả nợ nên VIB mới khởi kiện yêu cầu ông **Q** trả cho **V1** số tiền dư nợ như sau:

- Nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 4576663.21 ngày 08-6-2021 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1362803.21 ngày 08-6-2021 là 890.625.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 26-01-2024 là 413.231.495 đồng (trong đó: tiền lãi trong hạn là 2.029.932 đồng, tiền lãi quá hạn là 411.201.563 đồng) và tiếp tục chịu lãi kể từ ngày 27-01-2024 cho đến khi ông **Đặng Quốc Q** thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng số 4576663.21 ngày 08-6-2021.

- Nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 26-01-2024 là 230.399.609 đồng và tiếp tục chịu lãi, phí theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 10-6-2021 kể từ ngày 27-01-2024 cho đến khi thanh toán xong.

- Không yêu cầu giải quyết tài sản bảo đảm.

Bị đơn Đặng Quốc Q: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, cũng không có gửi văn bản ý kiến cho Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt tại địa phương nên không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo luật định.

Về việc giải quyết vụ án: Xét yêu cầu của nguyên đơn, nhận thấy theo Hợp đồng tín dụng số 4576663.21 ngày 08-6-2021 đã ký giữa **V1** với ông **Đặng Quốc Q** cho thấy việc giao kết hợp đồng giữa các bên là có thật, nội dung các bên thỏa thuận xuất phát từ sự tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Ngày 08-6-2021 theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ của ông **Đặng Quốc Q** nên VIB cấp cho ông **Q** số tiền 900.000.000 đồng, quá trình thực hiện hợp đồng ông **Q** đã thanh toán cho **V1** được số tiền gốc là 9.375.000 đồng và lãi là 19.094.614 đồng, tổng cộng là 28.469.614 đồng. Sau đó ông **Q** không thanh toán đầy đủ cho **V1** theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng tín dụng, do đó VIB khởi kiện yêu cầu ông **Q** thanh toán nợ vay quá hạn, nợ dư còn lại theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử (ngày 26-01-2024) với số tiền dư nợ gốc là 890.625.000 đồng, nợ lãi trong hạn còn lại là 2.029.932 đồng, nợ lãi quá hạn là 411.201.563 đồng.

Ngày 10-6-2021, trên cơ sở đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế nên VIB đã cấp cho ông **Đặng Quốc Q** loại thẻ VIB Travel Élite (thẻ tín dụng quốc tế) hạn mức 90.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất vay theo quy định của **V1** trong từng thời kỳ. Quá trình sử dụng thẻ ông **Q** không thanh toán đầy đủ nghĩa vụ theo thông báo của **V1** nên VIB chấm dứt việc sử dụng thẻ đối với ông **Q**. Căn cứ vào bảng chi tiết quá trình sử dụng thẻ thì ông **Q** còn nợ VIB số tiền nợ thẻ tín dụng là 230.399.609 đồng. Như vậy tính đến ngày 26-01-2024 ông **Đặng Quốc Q** còn dư nợ gốc, nợ lãi trong hạn hợp đồng tín dụng, nợ lãi quá hạn hợp đồng tín dụng và nợ thẻ tín dụng tổng cộng là 1.534.256.104 đồng.

Vì các lẽ trên:

Căn cứ các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 91, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP Q1 (V1)**.

Buộc ông **Đặng Quốc Q** phải có nghĩa vụ trả cho **V1** số tiền dư nợ gốc còn lại là 890.625.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 4576663.21 ngày 08-6-2021 và tiền lãi tính đến ngày xét xử (ngày 26-01-2024) gồm: nợ lãi trong hạn hợp đồng tín dụng là 2.029.932 đồng, nợ lãi quá hạn hợp đồng tín dụng là 411.201.563 đồng và nợ thẻ tín dụng là 230.399.609 đồng, tổng cộng là 1.534.256.104 đồng.

Ông **Đặng Quốc Q** còn phải tiếp tục trả lãi cho VIB theo mức lãi mà các bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số 4576663.21 ngày 08-6-2021 và tiếp

tục trả lãi cho **V1** theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Đềphát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 10-6-2021 kể từ ngày 27-01-2024 trên số dư nợ gốc còn lại cho đến khi thanh toán nợ xong.

Không yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn vắng mặt không có lý do nên tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn **Ngân hàng TMCP Q1 (V1)** khởi kiện yêu cầu bị đơn **Đặng Quốc Q** trả cho nguyên đơn số tiền dư nợ như sau:

- Nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 4576663.21 ngày 08-6-2021 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1362803.21 ngày 08-6-2021 là 890.625.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 26-01-2024 là 413.231.495 đồng (trong đó: tiền lãi trong hạn là 2.029.932 đồng, tiền lãi quá hạn là 411.201.563 đồng) và tiếp tục chịu lãi kể từ ngày 27-01-2024 cho đến khi ông **Đặng Quốc Q** thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng số 4576663.21 ngày 08-6-2021.

- Nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 26-01-2024 là 230.399.609 đồng và tiếp tục chịu lãi, phí theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 10-6-2021 kể từ ngày 27-01-2024 cho đến khi thanh toán xong.

- Không yêu cầu giải quyết tài sản bảo đảm.

Xét thấy: Hợp đồng tín dụng số 4576663.21 ngày 08-6-2021, Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1362803.21 ngày 08-6-2021 và Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 10-6-2021 mà ông **Đặng Quốc Q** đã ký với **Ngân hàng TMCP Q1** là có thật, nội dung các bên thỏa thuận xuất phát từ sự tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Ông **Đặng Quốc Q** không thanh toán nợ theo thỏa thuận mà các bên đã ký kết nên VIB khởi kiện yêu cầu ông **Q** trả các khoản nợ như nêu trên là có căn cứ.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn **Đặng Quốc Q** và việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án đảm bảo

đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn **Đặng Quốc Q** không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh:

“2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

...

4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Đồng thời tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

“2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Ông **Q** không nộp cho Tòa án văn bản ý kiến, tài liệu, chứng cứ gì, cũng như không đến Tòa án trình bày ý kiến gì để phản đối lại yêu cầu của nguyên đơn nên ông **Q** phải chịu hậu quả cho việc không chứng minh, không phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Vậy nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn **Đặng Quốc Q** trả số tiền nợ như nêu trên là phù hợp với quy định tại các điều 91, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Từ những phân tích trên, chứng tỏ yêu cầu khởi kiện VIB là có căn cứ nên chấp nhận, buộc ông **Đặng Quốc Q** có nghĩa trả cho **Ngân hàng TMCP Q1** số tiền nợ như sau:

- Nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 4576663.21 ngày 08-6-2021 và Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 1362803.21 ngày 08-6-2021 là 890.625.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 26-01-2024 là 413.231.495 đồng (trong đó: tiền lãi trong hạn là 2.029.932 đồng, tiền lãi quá hạn là 411.201.563 đồng) và tiếp tục chịu lãi kể từ ngày 27-01-2024 cho đến khi ông **Đặng Quốc Q** thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng số 4576663.21 ngày 08-6-2021.

- Nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 26-01-2024 là 230.399.609 đồng và tiếp tục chịu lãi, phí theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 10-6-2021 kể từ ngày 27-01-2024 cho đến khi thanh toán xong.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: *“Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm*

trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”. Trong vụ án này bị đơn **Đặng Quốc Q** có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 1.534.256.104 đồng nên có nghĩa vụ phải chịu 36.000.000 đồng + 3% x 734.256.104 đồng = 58.027.683 đồng, làm tròn là 58.028.000 đồng (Năm mươi tám triệu không trăm hai mươi tám nghìn đồng) án phí; Nguyên đơn **Ngân hàng TMCP Q1** không phải chịu án phí nên được nhận lại 22.255.000 đồng (Hai mươi hai triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (do **Bùi Quốc K** nộp thay) theo Biên lai thu số: 0011033 ngày 01-12-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

[4] Xét thấy phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 26, 35, 39, 91, 92, 144, 147, 227, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 91, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP Q1 (V1)**.

Buộc ông **Đặng Quốc Q** có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng TMCP Q1 (V1)** số tiền nợ như sau:

- Nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 4576663.21 ngày 08-6-2021 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1362803.21 ngày 08-6-2021 là 890.625.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 26-01-2024 là 413.231.495 đồng (trong đó: tiền lãi trong hạn là 2.029.932 đồng, tiền lãi quá hạn là 411.201.563 đồng) và tiếp tục chịu lãi kể từ ngày 27-01-2024 cho đến khi ông **Đặng Quốc Q** thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng số 4576663.21 ngày 08-6-2021.

- Nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 26-01-2024 là 230.399.609 đồng và tiếp tục chịu lãi, phí theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 10-6-2021 kể từ ngày 27-01-2024 cho đến khi thanh toán xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông **Đặng Quốc Q** có nghĩa vụ chịu 58.028.000 đồng (Năm mươi tám triệu không trăm hai mươi tám nghìn đồng) án phí.

- Ngân hàng TMCP Q1 (V1) không phải chịu án phí nên được nhận lại 22.255.000 đồng (Hai mươi hai triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (do Bùi Quốc K nộp thay) theo Biên lai thu số: 0011033 ngày 01-12-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

3. Đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26-01-2024). Riêng bị đơn **Đặng Quốc Q** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Dương